

VIÊN-ÂM

NGUYỆT SAN

CƠ-QUAN HOÀNG-PHÁP của HỘI VIỆT-NAM PHÁT-HỌC

圓音

9. 6. 1950

Năm thứ 8 - số 88 Ngày 25-1-50 (Mùng 8-12 Kỷ-Sửu)
Phát hành 2512

MỤC LỤC

Tịnh độ	<i>Thích Trí Quang</i>
Sáng tạo Nhân gian tịnh độ	<i>Thích Huyền Dung</i>
Tượng Phật	<i>Thích Kim Sơn</i>
Kỷ niệm ngày thành đạo của đức Bồn-Sư	<i>Thích Trí Quang</i>
KINH HỌC :	
Kinh Thủ Lăng Nghiêm	<i>Thích Thiện Siêu</i>
LUẬN HỌC:	
A-Đà-Na-Thức	<i>Thích Kim Sơn</i>
BÀI GIẢNG :	
Niệm Phật	<i>Thích Quảng Minh</i>
PHẬT GIÁO PHỔ THÔNG	
Những Mẫu Chuyện Đạo	<i>Thích Minh Châu</i>
Tin Tức	

TIN TỨC

TÔNG TRỊ SỰ. — I) Đã cử hành lễ rớt đồng tượng đức Thế tôn vào ngày 20 tháng 11 kỷ Sửu lúc 10 giờ mai tại tổng Hội Quán. Ngài Tông âm pháp chủ sơn môn tăng già Trung phần Việt nam, quý thầy tăng già Sơn môn, quý thầy Học tăng trường Bảo quốc, quý vị Ni cô trường Diệu đức, ban Tổng trị sự, phái đoàn đại biểu tỉnh hội Quảng trị, cùng hội hữu ở Thuận hóa đến dự lễ và hộ niệm rất đông, kết quả được viên mãn.

II) Thầy chánh hội trưởng sẽ vào thăm hai tỉnh hội Đà Nẵng và Quảng nam theo thư yêu cầu của 2 tỉnh hội ấy. Thầy sẽ khởi hành vào ngày 13 hoặc 15 tháng 12 kỷ Sửu sắp đến

(xem tiếp trang 39)

Tịnh Độ

Bồ-tát thật hiện tịnh độ là vì chúng-sinh.
Nếu rời chúng sinh thì tịnh độ không thành.

Ví như xây lâu đài trên đám đất bằng phẳng
thì trống lẹ như ý muốn. Còn nếu muốn xây đắp
trên hư không thì không thể thành được.

Cũng như thế : Bồ tát kiến thiết tịnh-độ nơi
chúng sinh đau khổ chứ không phải nơi «không»
vậy.

Trích dịch trong kinh Duy-Ma

THÍCH TRÍ-QUANG

SÁNG TẠO NHÂN GIAN TỊNH ĐỘ

Trích dịch bài giảng của ngài
THÁI HƯ giảng tại Pa-ri :

HUYỀN DUNG

Vừa rồi Lu-phu tiên sinh giới thiệu tôi có nói tôi muốn truyền bá ánh sáng Phật-giáo ra khắp thế giới, muốn cùng các người ham chuộng tự do xây dựng một thế giới an lạc. Chí nguyện tôi quả có thể, cho nên tôi đem câu chuyện sáng tạo nhân gian tịnh độ để kính tạ sự thù tiếp nồng hậu của quý Ngài.

Thế nào gọi là nhân gian tịnh độ? Độ nghĩa là thế giới, tịnh nghĩa là an lạc. Tịnh-độ (thế giới an lạc) là danh từ đối lập với ố độ (thế giới thống khổ). Tịnh độ này không những chỉ cho các thế giới hệ cực kỳ thanh tịnh trang nghiêm trong vũ trụ như cực lạc v. v. , mà ngay các ố độ như thế giới hệ ta-bà v. v. , mà cải tạo thành an lạc cũng tức gọi là tịnh độ

Do sự phát minh của thiên văn học tối tân, chúng minh cho ta thấy ngoài địa cầu này còn có vô số tinh cầu

khác. Những tình cầu ấy so với địa cầu này có thể ác liệt hoặc có thể an vui hơn. Cho nên sự thật có của cái địa cầu ác trước này nó phản chứng cho ta biết ngoài nó, còn có các tịnh độ khác.

Tuy nhiên, nhân gian tịnh độ không chú ý đến các thế giới an lạc ngoài thế giới thống khổ này. Mà, như danh từ ấy, chúng ta thấy phải chú ý đến cái tịnh độ ngay nơi uế-độ này mà ta phải nỗ lực thật hiện cho kỳ được

Thí dụ trong quốc gia thống khổ này bây giờ có kẻ không chịu nổi phải ra ở nước ngoài cho yên thân. Những người cầu sinh các tịnh độ ngoài tịnh độ nhân gian cũng y như thế. Đó không phải là tâm lý của Phật tử. Hướng chi « cầu sanh » là một việc, mà « làm sao cho sanh được » lại là một việc. Trong Phật pháp không có cái chi ngẫu nhiên hoặc phát sinh chỉ bởi một vài điều kiện.

Cho nên Phật tử không trọng quả lắm mà phải chú ý nhân. Mà cái nhân vĩ đại của cái quả sanh tịnh độ đâu có thể kiến thiết được trên tâm lý bạc nhược ấy. Cho nên muốn sinh tịnh độ phải kiến thiết nhân gian tịnh độ, nhân nào quả ấy, may may không sai được.

Biển quán sơn hà đại địa không có thứ chi cố định chắc thật. Đau khổ quyết định có thể trừ diệt. An-lạc quyết định có thể kiến thiết. Cho nên nhân gian tịnh độ không khó khăn gì không thành nếu tất cả mọi người đều vận dụng tận cùng lực lượng sáng tạo của tâm trí.

Hai quan niệm lạc quan bị quan lại phải trừ diệt triệt để. Kẻ bị quan buồn rầu nhìn cuộc đời mà thúc thủ, kẻ lạc quan say mê cho cuộc đời đã đầy đủ mà không tiến thủ. Cả hai đều là kẻ lạc hậu, phản tiến hóa. Chúng ta phải trừ bỏ mà nhìn vào sự thật. Sự thật là thế giới này còn rất khuyết điểm và có thể cải tạo.

Lại các thuyết duy vật duy tâm và duy thần cần phải bài trừ. Vạn vật do các mối tương quan tạo thành. Không một vật chi phát sinh và tồn tại bởi một vài điều kiện. Thế kỷ 19 khoa học bảo sự vật do nguyên tử tạo thành, thế kỷ 20 này khoa học đã thấy vạn vật không có cái đơn vị hay bản thể tối hậu. Hết thấy vạn vật mỗi mỗi đều là sự trình bày của tất cả điều kiện tương quan tổ hợp lại. Quan niệm này rất gần với đạo lý «duyên sinh» của Phật giáo. Cho nên muốn sáng tạo nhân gian tịnh độ, ta cần phải tạo một trí thức mới, hợp với sự thật mà Phật-đà đã dạy và dần dần được khoa học tối tân chứng minh.

Lại trong các mối tương quan tạo thành, tác động, và chi phối vạn vật, năng lực hành động và lực lượng tâm trí là chủ đạo. Sự chủ đạo này tuy chỉ như vị lãnh tụ trong một quốc gia, nhưng mà hành động và tâm trí đó là tất cả năng lực và lực lượng để kiến thiết nhân gian tịnh độ.

Hành động hợp lý sáng tạo đời sống an lạc, tâm trí sáng suốt lãnh đạo hành động hợp lý. Cho nên nhân gian tịnh độ (đời sống an lạc) không những là kết quả do hành động hợp lý và tâm trí sáng suốt kiến thiết ra, mà chính còn do lực lượng ấy mới duy trì vĩnh viễn.

Thật hiện nhân gian tịnh độ bằng cách nào ?

Chúng ta đã thấy thống khổ có thể trừ, an lạc có thể tạo, chúng ta đã thấy năng lực hành động và lực lượng tâm trí là chủ đạo kiến thiết nhân gian tịnh độ, thì bây giờ bước tới một bước nữa, ta phải xét xem kiến thiết nhân gian tịnh độ bằng cách nào ?

I. Phải dùng các lực lượng này mà làm khí cụ thật tế: 1) Thực nghiệp, để giải quyết vấn đề cơm áo, nhà ở 2) Giáo dục, để phát triển tư tưởng năng lực ; 3) Nghệ thuật để đề cao sinh hoạt xã hội; 4) Đạo đức, để duy trì xã hội an lạc

II) Nhưng đó là những việc làm có giới hạn kể cả nghĩa bóng lẫn sự thật. Cho nên ta lại phải bằng vào tinh thần hiện thật và tinh thần dũng tiến của Phật pháp mà bước từ hữu hạn đến vô hạn, dũng mãnh bất đoạn hướng về tịnh độ tươi sáng mà sáng tạo.

Một là tất cả, tất cả là một. Tinh thần Phật pháp là tinh thần rộng lớn, dũng mãnh. Được may mắn sinh trưởng trong tinh thần ấy thì các Phật tử hãy là những đại đồng sĩ trong việc kiến thiết nhân gian tịnh độ.

TU'ONG PHAT

THÍCH KIM-SON

I

Ngày xưa, khi đức Thế Tôn còn ở đời, vua Ưu-Điền thỉnh Ngài và Thánh chúng về nước ở lại giáo hóa mấy tháng. Khi cần đi giáo hóa nơi khác, đức Thế Tôn từ giã vua Ưu-Điền. Thời gian từ giã lâu quá, vua Ưu-Điền cảm niệm không xiết. Hình ảnh đức Thế Tôn không lúc nào không rõ rệt trong trí tưởng. Nhà vua bèn tuyên cáo ra dân chúng ai có tài chạm vẽ hình tượng Thế Tôn giống y hình ảnh vua tưởng niệm, nhà vua sẽ thăm tạ và hậu thưởng. Bấy giờ có một người đến nguyện làm cho vua thỏa nguyện. Người ấy dùng gỗ chiên đàn, thứ gỗ hương rất quý và thơm, chạm trở hình tượng đức Thế Tôn. Không lâu, tượng ấy thành tựu. Khi đối trước tượng, vì thấy quá giống đức Thế Tôn, vua Ưu-Điền bất giác bị cảm rơi lụy như đã gặp lại đức Từ Phụ. Nhà vua bèn quay hỏi người thợ: Ông đã gặp đức Thế Tôn chưa? Làm sao ông chạm trở giống Ngài dường ấy? Người thợ mỉm cười, kín đáo trả lời: «*Tôi chỉ tạo tượng Phật trong tâm tôi ra*».

Từ khi có tượng rồi, vua Ưu-Điền thờ kính chiêm lễ như kính thờ đức Thế Tôn. Sau đó, đức Thế Tôn trở về, nhà vua thỉnh Ngài xem ngôi tượng ấy. Đức Thế Tôn hết lời tán thán vua Ưu-Điền, và quay lại ngôi tượng, Ngài nói như nói với một đấng Chánh Giác: «*Ngài sẽ ở lại khắp cõi Diêm phù, vĩnh viễn lợi ích cho nhân gian*».

Bước đầu của sự tạo tượng là từ đó.

II

Nhờ sáng kiến của vua Ưu Điền, mà cách 2512 năm nay, hình ảnh đức Thế Tôn vẫn còn lưu dấu lại thế gian bằng những hình tượng. Cũng nhờ hình tượng mà, cho đến ngày nay, chúng ta còn tưởng thấy được đôi phần hình dung từ bi trí giác của đức Từ Phụ.

Nhưng tạo tượng như thế nào? Khế Kinh có dạy: Cảnh của THỨC biết duy THỨC biến hiện. Tạo tượng là tạo Phật trong tâm ra. Cho nên ngày nay tuy văn hóa điêu khắc thế giới còn diễm phúc giữ được mấy pho tượng tởi cổ, nhưng những pho tượng ấy giống hay không giống hình dung đức Thế Tôn, thực không căn cứ vào đâu mà biết cả. Lại những pho tượng ấy thời gian sản xuất cũng cách xa đức Thế Tôn quá. Nên bây giờ các quốc độ, các dân tộc chạm, vẽ, đúc, trở hình tượng đức Thế-Tôn thực là chỉ tạo theo quan niệm mỹ thuật của mình và pha đặc tánh văn hóa của dân tộc mình vào. Và hình dung đức Thế Tôn là « ứng thân », ứng theo đặc tánh muôn loài mà hiện ra, thì sự tạo tượng như thế cũng không hại gì.

Tuy vậy, tuy tùy quan niệm của mình mà tạo tượng Phật cách nào cũng được, *nhưng bao giờ cũng như bao giờ, 4 vẽ này không thể thiếu được trên một tượng Phật là từ bi, trí giác, và hùng lực, trang nghiêm.* Bốn vẽ ấy dù không tạo được đầy đủ cũng phải có đôi phần mới được. Vậy mà một phần lớn hình tượng xưa để lại thực có khi không những không có chút nào trong 4 vẽ trên mà còn phần lại nữa. Đó là do nền văn hóa điêu khắc hội họa còn thô sơ lạc hậu vậy. Cho nên *những hình tượng ấy ta phải cắt lại*, không nên thờ, vì không hình dung được đức Phật trong tâm tưởng chúng ta, không tượng trưng được hình dáng từ bi trí tuệ của Phật.

Mỗi khi đánh lễ, chúng ta đọc bài này trước :
 Đại từ đại bi thương chúng sinh,
 Đại hùng đại lực cứu muôn loài,
 Trí giác diệu tướng tự trang nghiêm,
 Đệ tử chí tâm qui mạng lễ,

Là đức Phật, nghĩa là *đấng hiện thân toàn vẹn của các đức tánh đại từ bi, đại hùng lực và đại trí tuệ*. Bởi là đấng hiện thân các đức tánh ấy, cho nên thân hình của đức Phật đủ các diệu tướng vi diệu, trang sức bởi các đức tánh ấy. Và vì vậy cho nên chúng ta phải kính lễ, phải chạm, vẽ, đúc, trở hình tượng mà kính lễ tôn thờ.

Và chính cũng vì vậy mà tượng Phật phải chạm, trở, đúc, vẽ, thế nào cho tượng trưng được vẽ từ bi, hùng lực, trí giác, và trang nghiêm. Hay ít ra cũng phải cố gắng biểu lộ được đôi phần các vẻ cần thiết ấy, mới là tượng Phật, mới nên kính lễ thờ phụng.

Đức Phật hiện thân loài người trong loài người chúng ta, thì tất nhiên sự tạo tượng Phật cũng không phải làm gì kỳ lạ khác thân hình loài người, cho nên tầm kích thước tấc tượng Phật vẫn lấy thân người làm tiêu chuẩn. Duy những đặc tướng để tiêu biểu các diệu đức không thể bỏ được, như tóc xoáy phía phải để biểu lộ trí giác hành động của Phật là thuận hợp Sự Thật, đỉnh đầu có gò thịt nổi cao là để tiêu biểu trí giác vô thượng tuyệt đối, trước ngực có dấu chữ vạn là tiêu biểu Phật đủ muôn đức, hai chân kiết già là biểu thiên định và trí tuệ giao xen với nhau.

Nói tóm, tạo tượng thế nào quý hồ không mất nét mỹ thuật cần thiết và vẻ trang nghiêm của Phật là được.

IV

Lại một điều nữa, tạo tượng, *chúng ta chỉ nên tạo hình tượng đức Bồ sư THÍCH CA mà thờ kính cũng đủ rồi*. Lý do là vì Ngài là giáo chủ thế giới hệ Sa bà chúng ta. Huống chi, « Phật Phật đạo đồng », một là tất cả, cần chi phải nhiều cho tâm tưởng chi ly loạn tạp.

Chỉ như tượng các vị Bồ tát thì mỗi hình tượng tiêu biểu một diệu hạnh, như tượng Ngài Văn Thù cầm kiếm cõi sư tử là biểu trí tuệ sắc mạnh; tượng Ngài Phổ Hiền cầm hoa sen cõi voi trắng là biểu hành động thanh tịnh hùng mãnh; tượng Ngài Quán Âm đi trên hoa sen giữa bể cả là biểu trong bể khổ ba đào, bà mẹ hiền Quán Âm luôn luôn cứu vớt chúng ta bằng hoa sen chân lý ngát hương; tượng Ngài Chuẩn Đề nhiều tay nhiều mắt là tượng trưng phương tiện và diệu trí của Ngài rộng và nhiều phương thức. . . .

Nhưng, nhân trùn bễ quả, quả suốt nguồn nhân, nên chỉ thờ một tượng đức Bồ sư cũng tượng trưng đầy đủ về biên diệu hạnh của hằng sa Bồ tát rồi.

V

Nhưng tạo tượng tôn thờ có lợi ích gì? Hỏi như thế cũng như hỏi tại sao ta phải tạo tượng thờ tượng vậy.

Sự tu hành (sửa đổi hành động, nói ngược lại, là hành động hợp lý) của tín đồ Phật giáo, dù về phương diện nào, hình thức nào, cũng không ngoài mục đích *tác thành cho mình thành tựu 3 đức tánh đại từ bi, đại hùng lực, và đại trí giác, nói khác đi, tu hành là để thật hiện bi, trí và dũng vậy*. Và 3 đức tánh ấy thật hiện được viên mãn đầy đủ thì gọi là thành Phật, gọi là đấng Thế Tôn, người và trời đều kính thờ đảnh lễ.

Nhưng muốn thật hiện 3 đức tánh vĩ đại trên, thì Phật tử phải tu hành bằng lối « giáo dục bằng sự huân tập », nghĩa là luyện tập các đức tánh vĩ đại cho mình bằng cách lợi dụng sự hấp thụ hoàn cảnh của các giác quan. Sự hấp thụ hoàn cảnh của các giác quan là yếu tố chính và trọng, huân tập cho ta trở nên thế nào tùy theo sự hấp thụ, thế ấy. Toàn thân ta tiếp nhận ngoại giới là sáu giác quan bao phủ chung quanh sáu giác quan là ngoại giới hoàn cảnh, như vậy ta xấu hay tốt đều hoàn toàn bởi sự huân tập vậy.

Do nguyên lý « tu hành » đó, người Phật tử tạo tượng Phật trang nghiêm, đủ các vẻ tượng trưng các đức tánh đại hùng lực, đại từ bi, và đại trí giác, để ngày ngày chiêm ngưỡng lễ bái, do sự xem ngó của thị giác, do sự tư tưởng của ý thức, nó in sâu hình ảnh từ bi trí giác của Phật vào tâm trí của mình, gây thành một ấn tượng đậm và mạnh, rồi bất cứ ở vào trường hợp nào, cũng nhớ ấn tượng ấy mà nó tác động hành động của ta luôn luôn từ bi và hùng lực, từ bi hùng lực với động cơ trí giác sáng suốt.

Huống chi, tuy « tập trung tư tưởng thì uyển nhiên thấy Phật », nhưng chúng ta chưa được như thế. Cho nên chúng ta phải mượn hình tượng Phật để ngày đêm chiêm ngưỡng lễ bái như đối trước Phật, hầu mong bắt chước Phật mà hành động ăn khớp với đại từ bi đại hùng lực và đại trí tuệ. Có hình tượng Phật, mỗi khi đối trước Ngài ta thấy như căn như dặn, lòng dặn lòng, ta mạnh mẽ thật hành từ bi hùng lực để bảo vệ sự sống quyền sống cho muôn loài. Khi hành động trái nghịch từ bi hùng lực, thì đối trước Phật, ta thấy như trách như mót, lòng tự hổ thẹn, thế không tái phạm.

Ấy đó, diệu dụng tượng Phật là như thế. Và tạo tượng mà phước đức vô biên cũng vì thế. Còn nếu dụng tâm tà vậy đi, thì sai đó hào ly, mất đó vạn dặm vậy.

Kỷ niệm ngày thành đạo của đức

BỒN SỰ THÍCH CA

THÍCH TRÍ-QUANG

Lịch sử chép :

Đức BỒN SỰ đến ngồi dưới gốc cây tất-bát-la
thề rằng : « Dầu xương thịt khô mục mà không thật
hiện được Chân-lý thì ta quyết không đứng dậy khỏi
chỗ ngồi này ». Rồi Ngài vận dụng tận cùng tất cả
năng lực tư duy tinh-nhuệ của Trí-tuệ Cho đến một
đêm nọ, trong lúc Ngài vừa ngược lên ngó vừng
sao rạng đông rực-rỡ ở phía đông chân trời,
thì sao mai Chân lý xuất hiện..... Một đêm tối vô-
minh kết thúc. Một bình minh ánh đạo hiện khởi.
Thế là đạo Chánh-Giác đã thành...

Nhưng thế nào gọi là « thành đạo » ?

« Đạo » nghĩa là SỰ THẬT và phương pháp
thật hiện SỰ THẬT ấy. « Thành đạo » nghĩa là
thật hành rốt ráo các phương pháp ấy, và thật hiện
một cách cụ thể SỰ THẬT của vạn hữu. Nói vắn

tất và rõ ràng hơn, « thành đạo » nghĩa là thành tựu cái trí giác triệt đề và cùng khắp vậy.

Và đó là sự thành công lớn lao nhất trong lịch sử nhân loại mà đức Bồn-Sur chúng ta phải trải qua bao nhiêu kiếp, cực kỳ gian lao tu học mới kết quả được. Hôm nay chúng ta làm lễ kỷ niệm là trước hết, kỷ niệm sự thành công vĩ đại ấy.

Thứ nữa, việc thành đạo của đức Bồn-Sur là một sự phát minh có một không hai. Chân lý của vạn hữu bản lai thường trú. Thành đạo nghĩa là giác ngộ chứ không phải sáng tạo ra Chân Lý ấy. Ví như những định luật của khoa học, các nhà khoa học chỉ phát minh chứ không phải sáng tạo ra nó. Nhưng trong vũ trụ, cái đáng quý giá nhất là năng lực phát minh, nhất là sự phát minh Chân lý. Cho nên hôm nay chúng ta kỷ niệm là, thứ hai, kỷ niệm sự phát minh quý báu mà đức Bồn-Sur chúng ta phải trải qua bao nhiêu sự hy sinh lớn lao mới thành công ấy.

Sau khi thành đạo rồi, — tụng kinh PHÁP HOA, chúng ta thấy — đức Bồn-Sur phân vân giữa hai thái cực : một đẳng thì Chân lý vũ trụ quá cao, một đẳng thì tâm trí loài người quá thấp. Sau sự phân vân đó, Ngài đã làm theo phương thức muôn

đời của các đức Phật - đã là áp dụng hai lối giáo dục : 1) quán triệt tôn chỉ tối cao, và 2) thi các biện pháp thiết dụng. Nghĩa là muốn cho mọi người giác ngộ Chân lý, đức Bồn sư đã có áp dụng tất cả mọi hình thức giáo hóa cho thích hợp với trình độ mọi người ; nhưng dù các hình thức giáo hóa đó có muôn nghìn màu sắc khác nhau đi nữa, mà mục đích vẫn qui về tôn chỉ tối cao. Nhờ lối Giáo dục khó khăn mà đức Bồn sư cố gắng để diu dắt chúng sinh, cho nên những người đã theo Ngài đều thật chứng được Chân lý. Ngày nay chúng ta tu học đây, nhờ lối giáo dục ấy mà nhất định rồi cũng sẽ thật hiện được SỰ THẬT của sự vật.

Hôm nay chúng ta kỷ niệm ngày thành đạo của đức Bồn-sư, cuối cùng, là kỷ niệm cái ân đức vô thượng mà Ngài đã thành công trong phương pháp giáo dục vô cùng khó khăn ấy.

KINH THỦ LĂNG NGHIÊM

THÍCH THIÊN-SIÊU

(ĐẠI Ý)

PHẬT GẶN HỎI CHỖ CHÚNG NGỘ ĐỀ LỰA CHỌN
CĂN VIÊN-THÔNG THỪ THẮNG (tiếp theo).

- 12, Hiện thân quốc vương đề đem ngũ giới thập thiện giáo hóa cho các chúng sanh muốn tạo nhân lành để được phúc báo an lạc.
- 13, Hiện thân trưởng giả đủ tài đủ trí, đủ đức, giàu sang, vị cả, trên chuộng dưới yêu đề giáo hóa cho các chúng sanh muốn làm chủ tể trong các giòng họ sang quý mọi người kính vì.
- 14, Hiện thân cư sĩ, chánh tín Tam bảo, thanh tịnh tu hành đề mà giáo hóa các chúng sanh muốn sống một đời trong sạch không tham trước.
- 15, Hiện thân tể quan đại thần tài đức liêm chính đề mà giáo hóa các chúng sanh muốn lãnh trị phán đoán việc xóm làng, cõi nước theo chánh pháp.
- 16, Hiện thân Bà-la-môn thông minh phạm hạnh đề mà giáo hóa các chúng sanh ưa thuật số, đạo học bỏ tánh kiêu mạng.
- 17, Hiện thân vị Tỳ-kheo giữ trọn oai nghi giới luật đề mà giáo hóa các hàng nam tử có tâm chí xuất gia giữ giới.

- 18, Hiện thân Tỳ-kheo-ni giới luật thanh tịnh để mà giáo hóa các hàng con gái có chí muốn xuất gia giữ giới.
- 19, Hiện thân Ưu-Bà-Tắc để mà giáo hóa các hàng nam tử phát tâm qui y thọ 5 giới.
- 20, Hiện thân Ưu-Bà-Di để mà giáo hóa các hàng con gái phát tâm qui y thọ 5 giới.
- 21, Hiện thân Hậu phi, mạng phụ v.v., đoan trang nết đức để mà giáo hóa các người con gái rèn luyện việc nội chánh, giúp nhà lợi nước.
- 22, Hiện thân kẻ đồng-nam (người đàn ông không phạm vào sự dâm dục) để mà giáo hóa các chúng sanh từ nhỏ đến lớn không phạm dâm sự, xu hướng pháp xuất thế.
- 23, Hiện thân người đồng nữ (người đàn bà không phạm vào sự dâm dục) để mà giáo hóa các người con gái có chí tu đạo không ưng sự giá thú dâm bạo.
Mười hai ứng thân trên đây (từ 12 đến 23) đều hiện trong cõi người, hoặc làm người thế gian, hoặc làm tại gia Phật tử, hoặc xuất gia Phật-tử để tùy cơ giáo hóa khiến các chúng sanh ấy hiện tại trọn nên các sự lợi lạc, tương lai thành tựu đạo Bồ-đề.
- 24, Hiện thân trời để nói pháp xuất ly dạy các hàng chư thiên có tâm mong thoát khỏi thiên luân. Bởi vì phúc báo chư thiên còn ở trong vòng sanh tử hữu lậu, tâm ngã mạn chưa dứt, mê chấp còn nhiều, tham dục đương nặng, chưa khỏi sự thống khổ đối đầu, nên rất đáng nhàm chán.
- 25, Hiện thân loài rồng để khuyến hóa các loài rồng muốn thoát khỏi quả báo thân rồng nhiều thống khổ.
- 26, Hiện thân quỷ thần Dược xoa để khuyến hóa các loài Dược xoa muốn thoát khỏi quả báo Dược xoa nhiều thống khổ.

- 27, Hiện thân quỷ thần Càn-thát-bà đề khuyến hóa các hàng Càn-thát-bà muốn thoát khỏi quả báo Càn-thát-bà thống khổ.
- 28, Hiện thân thần A-tu-la đề khuyến hóa những A-tu-la muốn thoát khỏi quả báo A-tu-la thống khổ.
- 29, Hiện thân thần Cãn-na-la đề khuyến hóa những cãn-na-la muốn thoát khỏi quả báo Cãn-na-la thống khổ.
- 30, Hiện thân thần Ma-hô-la-già đề khuyến hóa những Ma-hô-la-già muốn thoát khỏi quả báo Ma-hô-la-già thống khổ.
- 31, Hiện thân người đề giáo hóa phép tu nhân đạo cho những kẻ muốn giữ mãi thân người, không bị chuyển sanh qua thân cõi khác vì ở nhân đạo vui khổ tương đương, lại dễ gặp Phật pháp nên đề tu-hành.
- 32, Hiện thân phi nhân hoặc loài hữu tướng, vô tướng hữu hình vô hình đề giáo hóa chúng ấy thoát khỏi quả báo ở các loài kia.

Chín loại ứng thân trên đây là Bồ-tát tùy theo các loại trời hay không phải trời, người hay tương tự người mà hiện đủ thân trong các loại ấy để giáo hóa họặng thoát các báo, thân thống khổ. Chúng sanh đương ở trong mê mờ, tùy nghiệp chuyển cách nào thì chịu cách nấy, nếu không như Bồ-tát hiện thân giáo hóa, chuyển đổi nghiệp nhân thì khó bề thoát khổ và hưởng sự an vui theo ý muốn.

Vì thế mà Bồ-tát ứng hiện 32 thân khắp quốc độ để giáo hóa không chút ngần ngại, như ngọc Ma-ni hiện đủ các màu sắc mà vốn vô tâm, không lay động.

Lại chư Phật và chúng sanh giặc-tâm vốn đồng, mà chúng sanh thì bị tình tưởng cách ngại, cảnh giới xao ly, chấp huyền thân làm thật thân, chấp vọng-cảnh làm chơn

cảnh, nên mới có mọi điều lo sợ, trái lại Bồ-tát đã hiệp tánh bản diệu của giác tâm, thấy muôn loài đồng một thể tánh tâm nguyên, đồng một thân tâm, không có loài nào ngoài, không có cảnh chi khác, tự mình thanh tịnh, không còn vọng tưởng, diệt hết tập khí sát, đạo, dâm, vọng nên hay khiến các chúng sanh đều làm cảnh hoạn nạn mà nhớ đến danh hiệu Bồ-tát Quán-Thế-Âm, tức khắc tâm ấy liền đồng tâm Bồ-tát rộng lớn viên dung, chuyển ác tâm trở thành từ bi tâm, xoay cảnh tai nạn thành ra cảnh an lạc ấy là Bồ-tát đem công đức vô úy thí cho 10 phương chúng sanh. Có 14 món vô úy:

- 1.) Khiến chúng sanh khỏi náo, xưng danh Bồ-tát Quán Thế-Âm liền đặng giải thoát.
- 2.) Rũi vào lửa không bị lửa đốt.
- 3.) Rũi vào nước không bị chìm.
- 4.) Rũi vào chỗ quỷ không bị quỷ hại.
- 5.) Rũi gặp binh qua, đao trượng bị gãy nát.
- 6.) Dầu ở bên ác-quỷ mà ác-quỷ không trông thấy.
- 7.) Lở phạm cấm chế không bị gông xiềng kiềm hãm.
- 8.) Đi qua đường hiểm không bị giặc cướp.
- 9.) Chúng sanh đa dục được ly dục.
- 10.) Chúng sanh đa sân được ly sân.
- 11.) Chúng sanh đa si được ly si.
- 12.) Cầu con trai được sanh con trai phước đức trí huệ.
- 13.) Cầu con gái được sanh con gái đoan chánh nhu thuận.
- 14.) Chỉ niệm danh hiệu Bồ-tát mà phước ngang với người niệm vô số vô lượng danh hiệu Bồ-tát khác.

Tóm lại 32 ứng thân là Bồ-tát cùng chư Phật đồng một sức từ, 14 món thí vô-úy là Bồ-tát cùng với chúng sanh đồng một tâm bi ngưỡng và tất cả đều do sức vô duyên từ của Bồ-tát mà thành tựu. Tuy vậy nơi Bồ-tát thì do vô-duyên-từ mà tự nhiên ứng, nhưng nơi chúng sanh phải do tự lực thiện căn mới thành, thế nên với

chúng sanh đã phát thiện căn thì liền có Bồ-tát hiện thân thuyết pháp, với chúng sanh khổ nạn một lòng bi ngưỡng xưng danh thì liền cảm đến bồ-tát thí đức vô úy, một khi tự lực tha lực đã viên mãn như vậy thì sự cảm ứng tất được rõ ràng.

Ngoài các diệu dụng trên ra ngài Quán-Thế-Âm còn chứng được 4 món diệu đức không thể nghĩ nghĩ nghĩa là sau khi chứng cực quả vô thượng Bồ đề, Bi và Trí đầy đủ thì tự nhiên nhi nhiên không cần tâm niệm phân biệt nghĩ nghĩ mà vẫn hay thành tựu phương tiện độ sanh :

Do ngài Quán-Thế-Âm đã chứng đặng văn-tánh viên diệu lia tánh thấy nghe hư vọng, trong tánh giác đồng thể một thân tức nhiều thân, nhiều thân tức một thân, nên tùy nghi hiện ra thân hình từ một đầu đến nhiều đầu, từ hai tay đến nhiều tay, từ hai mắt đến nhiều mắt, khi hiện dáng từ bi, khi oai hùng, khi thuyền định khi trí huệ và nói ra vô lượng thần chú để cứu độ chúng sanh, là món bất tư nghĩ thứ nhất.

Hiện mỗi mỗi hình đợc mỗi mỗi bài chú, mà hình và chú ấy đều đem lại cho chúng sanh sức vô-úy là món bất tư nghĩ thứ hai.

Hay cảm đến chúng sanh, khiến họ xả bỏ thân mạng, tài sản cúng dường, không sanh lòng tiếc nuối, là món bất tư nghĩ thứ ba.

Từ lực vô biên, thí tâm rộng lớn, ngài Quán-Thế-Âm chẳng những cúng dường chư Phật mà còn khắp thí cho tất cả chúng sanh, hề chúng sanh cầu con thì đặng con, cầu vợ đặng vợ cho đến cầu đại-niệt-bàn đặng đại-niệt-bàn, là món bất tư nghĩ thứ tư.

Như thế nên gọi ngài là Quán-Thế-Âm, vì hay tìm thanh cứu khổ, cũng gọi Ngài là thí-vô-úy, vì hay cứu vớt sự sợ hãi cho chúng sanh, nguyên do nhờ tu về nhĩ căn viên thông mà thành tựu cả.

A - ĐÀ - NA - THỨC

(tiếp theo số 87)

THÍCH KIM-SON

- MỤC LỤC: 1°/ Thế nào gọi là A ĐÀ NA THỨC?
2°/ Đặc tánh của A ĐÀ NA THỨC.
3°/ Lý do chứng minh A ĐÀ NA THỨC.
4°/ Khả năng của A ĐÀ NA THỨC.
5°/ Phương pháp chuyển y A ĐÀ NA THỨC.
6°/ Tính cách hệ trọng của A ĐÀ NA THỨC.

IV. — KHẢ NĂNG CỦA A ĐÀ NA THỨC.

Nổi lên giữa trăm nghìn học thuyết Ấn-độ, người thì cho vạn hữu phát sinh từ ý-thức, người thì cho vạn-hữu do' cực-vi kết thành, người thì bảo nguồn gốc của vạn-hữu là đấng-cao-cả, người thì nói bản-thể-thuần-túy là căn bản của vạn-hữu. Duy-thức-học của Đạo Phật bác hết thảy, và thuyết minh vạn-hữu là hiện hành của các khả-năng : **khả-năng phát sinh vạn-hữu.**

1°) **THẾ NÀO GỌI LÀ HIỆN HÀNH ?** Hiện hành nghĩa là phát hiện và lưu hành ra. Danh từ này để gọi hết thảy vạn hữu, biểu thị vạn-hữu là **biểu tượng của khả năng phát-hiện**, và biểu-thị vạn-hữu chỉ là những **thể tổ-hợp** những giòng sinh diệt. Duy-thức-học phân tích hiện hành ấy ra có 5 loại : 1/ Những thứ tâm lý chính, gọi là **tâm vương** ; 2/ Những thứ tâm lý phụ thuộc, gọi là **tâm**

sở ; 3/ Những đối tượng cụ thể của tâm lý (cảnh vật) gọi là **sắc pháp** ; 4/ Những trừu tượng trên tính cách không gian thời gian của ba loại trên, gọi là **bất-tương-ung** ; 5/ Những thực thể của 4 loại trên, gọi là **vô vi-pháp**. Hết thảy năm loại này đã là hiện hành, nghĩa là đứng về mặt tương quan mà xét thì chúng là những thể tổ hợp, những giòng sinh diệt, tương quan với nhau mà phát sinh và tồn tại ; nhưng đứng về mặt đặc tánh, thì mỗi thứ có mỗi đặc tánh đặc biệt, khác hẳn nhau, cho nên quả nào phải phát sinh từ nhân ấy : **hiện hành** nào chỉ do khả năng của nó phát hiện. Chỉ một điều này ta cũng thấy, thực tình, ta không thể thừa nhận các thuyết duy-tâm duy-vật, chứ đừng nói thượng-đế hay linh-hồn nữa.

2^o) **THỂ NÀO GỌI LÀ KHẢ-NĂNG** ? Ví như các nguồn sáng phát động lên là do các động năng, cũng như thế : **khả-năng** là những năng-lực của các hiện hành, phát động ra hiện-hành, cho nên thuật ngữ gọi là « công năng » hay gọi là « chủng tử » (1) khả-năng ấy có sáu đặc-tánh sau đây : 1/ **Sát-na-diệt** : Khả-năng là những thể chuyển dịch. Như vậy những gì gọi là thường hằng không phải là nguyên nhân của vạn hữu : vì đã thường hằng thì còn chuyển biến phát sinh cái gì ? 2/ **Quả câu hữu** : Khả năng với hiện hành chỉ là một, ví như sóng chỉ là biểu hiện của động năng. Như

(1) Gọi là « chủng tử », ý Duy thức học muốn biểu thị hai điều : 1) Khả năng là những hạt giống mọc lên các cây hiện hành, cho nên gọi là *chủng tử* ; 2) cây hiện hành nào phải do giống khả năng ấy phát hiện, nên gọi là *chủng tử*.

vậy những gì khác ngoài (2) vạn hữu không phải là nguyên nhân của vạn hữu : Vì khác với quả thì nhân đó là nhân của cái gì ? 3/ **Hằng tùy duyên** : Liên tiếp phát hiện nên thành hiện hành ; nói ngược lại, sự tồn tại của hiện hành là do khả năng liên tiếp phát hiện, ví như vòng lửa là do sáy hương liên tiếp quay ra. Như vậy những gì biệt lập (3) ngoài vạn hữu thì không phải nguyên nhân của vạn hữu : Vì hiện hành làm sao tồn tại nếu biệt ngoài khả năng ? 4) **Tánh quyết định** và 5) **Dần tự quả** : Khả năng đồng một tính cách với hiện hành và chỉ dần phát ra hiện hành đồng một tính cách với nó. Như vậy đời sống an lạc không thể có bởi hành động độc ác (ngược lại cũng thế), yếu tố vật không thể hiện hành ra tâm (ngược lại cũng thế) : Bởi khác tính chất thì làm sao phát sinh nhau ? 6) **Đãi chúng duyên** : Khả năng phải do các mối tương quan khác hỗ trợ mới phát hiện hiện hành. Như vậy cái gì đặc biệt một mình không phải là nguyên nhân của vạn hữu : vì không có sự giúp đỡ của các mối tương quan (duyên) thì làm sao phát sinh ?

(2) Chữ « khác ngoài » ở đây tỏ hai ý : 1) Cái gì đứng ngoài vạn hữu như đấng cao cả không phải là gốc của vạn hữu đã đành, mà 2) nguyên nhân này (thí dụ vật) khác hiện hành kia (thí dụ tâm) cũng không phải là nguyên nhân của pháp ấy, chỉ tương quan với nhau trên nguyên lý « hiện hành sinh hiện hành » mà thôi.

(3) Chữ « biệt lập » ở đây hơi khác chữ « khác ngoài » trên một chút. Như cái ví dụ « vòng lửa là cây hương liên tiếp quay ra », chúng ta thấy sự tồn tại của hiện hành là do khả năng không ly biệt mà liên tiếp phát hiện, cho nên nếu nhân một đấng quả một đấng, thì vạn hữu làm sao liên tiếp hiện khởi ?

Do sáu đặc tánh trên đây, trước hết nó quyết định cái gì là nguyên nhân của vạn hữu. Khác với đặc tánh thứ nhất, bảo những gì thường hằng là nguyên nhân thì không khác gì nói sắt nguội mọc ra cái cây. Khác với hai đặc tánh thứ hai và thứ ba mà bảo những gì biệt thể và biệt tập là nguyên nhân thì không khác gì bảo cái có từ sự không, cái bánh ngoài vắt bột. Khác với đặc tánh thứ tư và thứ năm mà bảo những gì khác tính chất là nguyên nhân thì không khác gì bảo cây hường mọc từ củ huệ. Khác với đặc tánh thứ sáu mà bảo những gì độc lập toàn năng là nguyên nhân thì còn ngầy thơ hơn bảo cây bút này tạo thành tất cả vũ trụ, hay bảo vũ trụ phát sinh từ hư không.

Đối lại, sáu đặc tánh này nó chứng minh chỉ có khả năng ở A ĐÀ NA là nguyên nhân, là bản thể của vạn hữu. Cho nên cái kết luận này bao giờ nó cũng đi đến một cách tự nhiên với đặc tánh quan hệ — đặc tánh làm căn bản vạn hữu — của A ĐÀ NA là khả năng là nguồn gốc của vạn hữu: Vạn hữu chỉ là biểu tướng của A ĐÀ NA, khả năng chỉ là năng tánh của A ĐÀ NA.

3.) SỰ QUAN HỆ GIỮA KHẢ NĂNG VÀ HIỆN HÀNH: Sự quan hệ giữa hai phần đó được phân tích trong 4 nguyên lý sau đây: 1) **Chủng tử sinh hiện hành**: Khả năng phát sinh hiện hành; 2) **Hiện hành sinh chủng tử**: Hiện hành huân tập khả năng; 3) **Chủng tử sinh chủng tử**: Tự thân khả năng giai đoạn trước dần khởi giai đoạn sau; 4) **Hiện hành sinh hiện hành**: Các hiện hành tương quan hỗ trợ với nhau.

Trong bốn nguyên lý trên đây, chỉ ba nguyên lý trước thuộc về **NHÂN DUYÊN**, nghĩa là phần này « sinh » ra phần kia; còn nguyên lý thứ tư thuộc về **TĂNG THƯỢNG DUYÊN**, nghĩa là cái này « giúp » cho cái kia. Ví như các biểu tượng do các năng lực trình bày (sinh), nhưng sự trình bày ấy phải do nhiều sự tương quan khác nữa liên quan tác động (giúp) (1). Do lý do đó, Đạo Phật kết luận các pháp duy Thức phát hiện, nhưng duy Thức là nhân duyên duy Thức. Lý Nhân duyên duy Thức như thế không những phủ nhận quan niệm duy tâm của học thuyết « duy tâm », quan niệm duy vật của học thuyết « duy vật », mà nó còn tỏ rõ ra rằng nói tâm sinh ra vật, nói vật sinh ra tâm (của các hạng triết gia), nói năng lực sinh hiện tượng, nói năng lượng khởi biểu tượng (của các nhà khoa học) nói hạt lúa mọc cây lúa, nói cây gỗ làm cái bàn, nói cơm cháo no bao tử, (của thường thức), thấy thấy đều chỉ nhìn qua « **hiện hành sinh hiện hành** » mà thôi. Chưa thể thể thấu nguyên lý « **chúng tử sinh hiện hành** », đạt được hết thấy hiện tượng là những hiện hành do khả năng A-ĐÀ-NA tương tục hiện khởi. Nếu đạt được thì nhận thấy các pháp là a-dà-na, a-dà-na là các pháp, tất cả đều là biểu tượng do A ĐÀ NA chủ thể và trình bày.

(1) Nhưng đây là lấy ví dụ mà nói. Chứ năng lượng hay biểu tượng cũng đều là hiện hành, và nói năng lượng phát biểu tượng chỉ là « hiện hành sinh hiện hành ». Nói hạt lúa mọc cây lúa cũng một thể thức như thế. Khả năng có đặc tánh dài chúng duyên, cho nên sự phát sinh hay sự tồn tại của hiện hành là một giống sinh diệt do khả năng phát hiện, liên tiếp phát hiện; nhưng sự phát hiện ấy là những thể tổ hợp, nghĩa là phải do những sự hỗ trợ của các mối tương quan khác, tức là « hiện hành sinh hiện hành », hiện hành mới phát hiện

NIỆM PHẬT

THÍCH QUẢNG-MINH

Niệm Phật là thế nào? Tại sao ta phải niệm Phật? Niệm Phật có thiết dụng gì trong đời sống không? Kết quả của sự niệm Phật là gì? Bao nhiêu câu hỏi chung quanh việc NIỆM PHẬT ấy chúng tôi cố gắng trình bày để các Đạo hữu hiểu rõ. Chúng tôi hy vọng hiểu rõ rồi, các Đạo hữu hãy cố gắng NIỆM PHẬT để đạt mục đích duy nhất của Đạo Phật chúng ta là GIÁC NGỘ.

THẾ NÀO GỌI LÀ NIỆM PHẬT ?

Niệm Phật nghĩa là tưởng nhớ đến Phật-Đà. *Phật-Đà là các đức hiện thân của các đức tính đại-từ đại-bi và đại-hùng đại-lực*. Lòng thương không bờ bến không thiên vị, gọi là đại từ. Cứu giúp hết thảy sự đau khổ cho người gọi là đại-bi. Hùng mạnh trong sự cứu đau khổ, xây hạnh phúc cho người, gọi là đại hùng. Năng lực đại hùng mạnh mẽ không ai bằng, bền chắc không chi khuynh đảo được, gọi là đại lực. *Bất cứ là ai, hệ hoàn toàn 4 đức tánh ấy tức gọi là PHẬT ĐÀ*, gọi tắt là Phật, ý nghĩa là đấng Giác Ngộ.

Bây giờ chúng ta niệm Phật là tưởng niệm các đức tánh ấy của Phật. Tưởng niệm bằng cách nào? Một là tưởng nhớ trực tiếp các đức tánh đại hùng, đại lực, đại từ, đại bi gọi là niệm Phật. Hai là tưởng nhớ các đức tánh ấy bằng cách tưởng hình dung của Phật, bởi vì hình dung

ấy là hiện thân của đại từ đại bi đại hùng đại lực. Ba là tưởng niệm các đức tánh ấy bằng cách niệm danh hiệu của Phật, bởi vì danh hiệu ấy là kết tinh của đại từ đại bi đại hùng đại lực.

Ví như khi ta nhớ đến một bậc vĩ nhân thì ta nhớ đến người ấy bằng 3 cách: nhớ sự nghiệp của người ấy, nhớ hình dáng của người ấy, và nhớ tên họ của người ấy.

Cũng như thế, đức Phật là vĩ nhân của sự Giác Ngộ. Ta tưởng niệm đến Ngài bằng cách nhớ thẳng đức tánh từ bi hùng lực của Ngài, bằng cách tưởng nhớ hình dung từ bi hùng lực của Ngài, hay bằng cách trì niệm danh hiệu từ bi hùng lực của Ngài, cách nào cũng đều gọi là niệm Phật cả, và đều có kết quả như nhau.

Tuy niệm Phật có ba cách như vậy, nhưng thông thường người ta chỉ làm có một cách là niệm danh hiệu.

Niệm danh hiệu cũng đủ. Nhưng mà danh hiệu của Phật là kết tinh của đức tánh từ bi hùng lực. Vậy *niệm danh hiệu Phật là niệm các đức tánh ấy*. Như khi niệm « Nam Mô A Di Đà Phật » là đọc nhớ cái đức tánh vô lượng từ bi vô biên trí giác của đức Phật Di Đà. Khi ta niệm « Nam Mô Bồ Đề Sư Thích Ca Mâu Ni Phật » là nhớ đến các đức tánh năng lực vô cùng, nhân trí vô tận của đức Thích Ca. Khi ta niệm « Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát » là nhớ đến cái hành động đi sâu vào đời sống của mọi người, tìm tiếng đau khổ của người mà phần lực cứu giúp của đức Quán Thế Âm Ấy đó, tôi xin nhắc lại, *ta niệm danh hiệu Chư Phật Bồ Tát là niệm một hồng danh mà đủ các đức tánh cao quý vĩ đại, là niệm các đức tánh hùng lực của Phật*. Ví như ta đọc hai chữ « anh hùng » là đọc lại các đức tánh dũng cảm. Nếu không như vậy, mà chỉ đọc cái tên suông thì chỉ như bộ máy phát âm mà thôi. Không có ý nghĩa gì hết. Không có kết quả gì cả.

NIỆM PHẬT CÓ THIẾT GÌ TRONG SỰ SỐNG ?

Khi đặt ra câu hỏi như vậy là chúng ta đã hỏi đến kết quả của sự niệm Phật là gì, và tại sao chúng ta phải niệm Phật.

Phật dạy: Các đức Phật Đà là Phật đã thành, còn các loài chúng sinh là Phật sẽ thành. Nói cho dễ hiểu: Các đức Phật là người đã giác ngộ Sự Thật còn chúng ta là người; Sẽ giác ngộ sự thật ấy. Cho nên hết thảy *hành động của Phật tử là phải lấy Phật làm gương: áp dụng các đức tánh vĩ đại của Phật vào đời sống của mình*

Ví như một người chỉ sĩ hằng ngày tưởng niệm đến những vị anh hùng để khích lệ chí hướng của mình, để làm gương cho mình Phật tử cũng vậy, *ngày đêm niệm Phật là lấy Phật làm gương cho mình, lấy hành động của Phật chỉ huy đời sống của mình, hy vọng tác thành mình thành đấng đại từ bi đại hùng lực: thành Phật.*

Như trên kia đã nói, hành động của Phật là đại từ đại bi và đại hùng đại lực.

Đại từ bi là hoạt động những biện pháp thiết thực và khôn khéo để bảo vệ sự sống và quyền sống của mọi người, và rộng ra là của mọi loài.

Đại hùng lực là cực đoan quả cảm thật hành những biện pháp trên kia, mà dù hy sinh tất cả cũng không lùi bước, dù gian hiểm tới bực cũng không chùn nấn.

Phật tử chúng ta xác nhận đại từ bi và đại hùng lực như vậy là điều cần thiết nhất của sự sống. Sự cần thiết ấy còn cần thiết một cách thực tế hơn cơm áo, và còn cần thiết một cách vĩ đại hơn sự sống. Bởi lẽ cơm áo để nuôi sống sự sống, sự sống là điều vĩ đại của con người, nhưng sự sống ấy không có đại từ bi thì không bảo tồn được, không có đại hùng lực thì không bảo vệ được.

Tôi giết sự sống của anh? Anh giết sự sống của tôi? Dân tộc này giết sự sống của dân tộc kia? Dân tộc kia giết

sự sống của dân tộc này? Như vậy hết thảy đều vì không tôn trọng sự sống và quyền sống của nhau, nghĩa là vì không từ bi cả.

Tôi không cứu sự sống của anh? Anh không cứu sự sống của tôi? Dân tộc này không cứu sự sống dân tộc khác? Dân tộc khác không giúp sự sống của dân tộc này? Như vậy hết thảy đều vì không mạnh mẽ hoạt động từ bi nghĩa là vì thiếu hùng lực cả.

Ấy vậy, từ bi có, hùng lực có thì sự sống còn, quyền sống còn. Từ bi không, hùng lực không, thì sự sống phải chết, quyền sống phải hết

Đạo Phật là đạo tôn trọng sự sống và quyền sống. Tôn trọng một cách tích cực, cho nên Phật tử phải có khi giúp nhau để bảo vệ sự sống, có khi tranh đấu để bảo vệ sự sống; Phật tử luôn luôn tưởng niệm và áp dụng đức tánh đại từ bi và đức tánh đại hùng lực vào đời sống của mình, vào sự hoạt động của mình vậy.

Và chỉ có đời sống ấy mới hợp lý, chỉ có hoạt động ấy mới có ích. Hợp lý và có ích vì tôn trọng và bảo vệ được sự sống.

Cho nên Phật-tử hằng ngày niệm Phật, bất cứ niệm danh hiệu đức Phật nào (bởi vì danh hiệu của đức Phật nào cũng là hiện thân của đại-từ-bi đại-hùng-lực cả) là tưởng niệm hai đức tánh đại-từ-bi và đại-hùng-lực của các đức Phật để áp dụng vào hoạt động của mình, để làm gương cho đời sống của mình, hầu bảo vệ sự sống và quyền sống của mình; của mọi người, của muôn loài,

Đức Phật là người thật hành nhất, thật hành nhiều kiếp mới thành Phật, chứ không phải lý tưởng. Mà ngài là gương cho đời sống chúng ta, vậy ta phải thật hành niệm Phật; thật hành đại-từ-bi, đại-hùng-lực. Chúng ta thực hành, mọi người thực hành, mọi dân tộc thực hành, thì kết quả sẽ tạo thành một thế giới mà trong đó quyền sống sẽ tự do, sự sống sẽ an lạc. Thế giới ấy, đức Phật gọi là Tịnh-Độ (thế giới thanh-tịnh và an lạc),

CÁCH NIỆM PHẬT GIẢN TIỆN

Cách ấy như thế này :

**Đại từ đại bi thương chúng sinh,
Đại hùng đại lực cứu hàm thức
NAM MÔ A DI ĐÀ PHẬT (10 lần)
Nguyện đem công đức này
Hồi hướng về Cực Lạc
Nguyện tôi và chúng sinh,
Đều được Vô thượng giác.**

Đại-từ đại-bi thương chúng sinh nghĩa là đại-từ-bi tôn trọng sự sống và quyền sống của mọi người, *Đại-hùng đại-lực cứu hàm thức* nghĩa là đại-hùng-lực bảo vệ sự sống và quyền sống ấy.

A-Di-Đà ý nghĩa là vô lượng từ bi, vô lượng hùng-lực, vô lượng trí-giác, và vô lượng phương tiện. *Nam mô* nghĩa là qui mạng: sống theo, noi theo. *Nam mô A-Di-Đà-Phật* là nguyện sống theo đấng Giác ngộ đủ các đức tánh từ-bi vô lượng, hùng-lực vô biên, trí-giác vô cùng và diệu-dụng vô tận.

Bốn câu dưới ý nói: nguyện đem việc làm ít ỏi này hướng về mục đích thật hiện một thế giới an lạc, hạnh phúc. Và cao xa nguyện đưa mình và người tiến lên địa vị tuyệt đối là địa vị mà trí tuệ sáng suốt hoàn toàn, không chi không giác ngộ, địa vị ấy gọi là Vô-thượng giác: địa vị Phật-Đà.

Chúng tôi giải thích sơ lược cách thức niệm Phật giản dị trên như thế, để các Đạo-hữu hiểu mà làm. Đức Phật hứ ký nhất là làm mà không kiêu, hay hiểu mà chỉ lý tưởng. Cho nên sự niệm Phật phải hiểu rõ và phải thật nghiệm mới có giá trị. Giá trị này còn ở khắp toàn bộ đạo Phật.

Cách thức niệm Phật giản dị trên đây phải mỗi ngày làm một lần, làm ở đâu và làm lúc nào cũng được cả. Đức Phật ở đâu không có? Sự sống lúc nào chẳng cần

lớn trọng? Cho nên bất cứ ở đâu hay lúc nào, chúng ta cũng có thể, cũng phải niệm Phật bằng cách thức giản dị trên kia. Chúng tôi phải trình trọng nói thêm rằng cách thức này các em bé dại nhất và các người khổ cực nhất lại càng nên làm. Đạo Phật là đạo cảm thông nỗi khổ của người nhất và trong sáng hoạt động nhất cho nên đức Phật gần người nghèo khổ và bé dại nhất. *Lại chính vì Đạo-Phật là đạo hoạt động và hùng lực nhất, nên chỉ có những người hùng lực mới gần được đạo Phật, mới thật hành được đạo Phật*, chứ hạng người đốn hèn thì gặp đạo Phật như rơm gặp lửa: Đạo Phật không dung được. Và chính vì chỗ đó, chính vì hùng lực, cho nên những người năng lực phải niệm Phật, niệm đức tánh đại-từ-bi, đại-hùng-lực của Phật để bảo vệ sự sống quyền sống của mình của người. Nếu không, nếu cái năng lực ấy không có Đại-từ-bi đại-hùng-lực hướng dẫn thì sẽ trở thành lợi khí giết chết sự sống quyền sống của người. Chỉ có kẻ có tài gian hùng mới có tài anh hùng. Và chỉ kẻ hùng lực nhất mới gần được, mới nên niệm Phật, là đấng đại hùng đại lực.

Ngày ngày chúng ta niệm đại-từ đại-bi, tất nhiên ta không gian hiểm, không tàn hại được. Luôn luôn chúng ta niệm đại-hùng đại-lực tất nhiên ta không sợ hèn, không khiếp nhược được.

Cho nên chỉ có không gian hùng tàn hại, không sợ hèn khiếp nhược mới bảo vệ được sự sống. Và chỉ có đức Phật đại-từ-bi đại-hùng-lực mới nên tưởng niệm mà thôi.

Và bây giờ chúng ta thấy cái kết luận này nó đi đến một cách tất nhiên lắm, là như thế thì *chỉ có những người cố tình dày xéo sự sống và những người từ chối sự sống mới không chịu niệm Phật mà thôi.*

Hạng người ấy chắc chắn không phải là đệ tử của Phật, cho nên Phật-tử phải luôn luôn niệm Phật, và càng phải niệm Phật nhất là trong lúc này, lúc mà sự sống bị xem thường nhất.

NHỮNG MẪU CHUYỆN ĐẠO

THÍCH MINH-CHÂU

I. Tại sao ta phải niệm Phật ?

Thành La phiệt có một ông hoàng tánh rất hung bạo. Thêm vào đó, quyền thế và địa vị của ông có thể giúp ông thủ tiêu tội án trước pháp luật. Chưa một lời phải, một đạo giáo nào cảm hóa được ông. Một hôm ông gặp Phật khi Phật du hóa xứ này. Mới thấy lòng ông bỗng cảm phục như voi dữ trước người quân tượng. Ngài có dạy ông vài lời sơ lược: *Hãy tưởng niệm Phật đà, hãy từ bi thương người, hùng lực cứu người.* Ông cung kính vâng lời. Nhưng khi về đến nhà, vừa thấy người hành khất chường mắt, ông liền dùng dùng nổi giận. Lời vàng của Phật không còn trong lòng ông nữa khi ông toan đánh đuổi người ấy. Bỗng sự nhớ lại hình dáng từ nghiêm của Phật, ông liền dịu lại, nhưng không bỏ thí chút đỉnh gì. Tối hôm đó vợ ông lấy làm lạ, gạn hỏi đầu đuôi. Ông bèn tuần tự thuật lại. Nhờ thuật lại, ông nhớ lại rõ ràng hình dung đức Phật và lời Ngài dạy. Đêm hôm ấy ông suy nghĩ mung lung. Ông nghĩ: *nhờ Phật phải nhớ đến người nghèo khổ, tưởng Phật hãy tưởng đến người nghèo khổ.* Rồi mới sáng ông liền đi tìm Phật. Giữa đường gặp một người hành khất ốm liệt bên vệ đường, không suy nghĩ, ông đến ân cần hỏi han và dốc hết tiền trong túi ra cho. Người ấy e sợ cảm ơn rối rít. Nhưng ông chỉ bảo: *Vì tưởng nhớ Phật nên tôi giúp anh. Anh nhận tiền này khiến tôi được phước; thế là tôi*

on anh chứ nào anh ơn gì! Người đời hành khất nghe thế, lấy làm lạ, vì không lạ gì tính hết của ông và uy danh của đức Phật nữa. Bỗng nhiên người ấy cất tiếng niệm: « Nam mô Phật đà » (kinh lễ đấng Giác-Ngộ). Ông hoảng cũng bắt giác niệm theo và đi mau tìm Phật. Khi gặp được Ngài, ông thuật rõ đầu đuôi mọi việc. Nghe xong, đức Phật mỉm cười hiền từ bảo: *Phôi! Niệm Phật, ông hãy tưởng niệm người nghèo khó. Tưởng niệm người nghèo khó là tưởng niệm chư Phật đó.*

KINH TẬP BẢO TẠNG

II. Duy Đạo là vui

Một thời Phật ở tinh xá Kỳ Hoàn, thuộc thành Xá vệ. Bấy giờ có 4 người cãi nhau về sự khoái lạc. Một người bảo: thân thuộc quyền quý, ca âm là khoái lạc. Một người bảo: tiền của giàu nhiều, vinh vang là khoái lạc. Một người bảo: thế thiếp đẹp dễ, đắm mê là khoái lạc. Cả họ phân vân. Phật nghe thế bảo: Các người chỉ tìm khoái lạc theo sở thích, chưa thấy cái vui chân thật; mới thấy cái vui riêng mình, chưa thấy cái vui chung người. Mưa xuân sẽ điều tàn, thân thuộc sẽ ly biệt, tiền của: nhân lo sợ, thế thiếp: họa sêu bi. Và tất cả xây quanh mình mà xâm phạm người. Chỉ nhân chỉ có một khoái lạc *Duy Đạo là vui*. Nhìn nhận sự tương quan sinh tồn, chỉ nhân khổ cái khổ của người, vui cái vui muôn loài, nên lợi người trước mình. Cái vui ấy là cái vui vô thượng. Các người hãy đánh đổi khoái lạc nhỏ hẹp cho cái vui vô thượng ấy.

KINH PHÁP CỤ

III. Đừng hướng tình thương vào một chỗ.

Một hồi Phật thuyết pháp tại thành Xá vệ. Bấy giờ có một phú trưởng giả có một người con gái đẹp. Tất cả lòng thương yêu của ông đều hướng về người con ấy,

nên đem gã cho một thiếu niên giòng thể phiệt Tất cả tình yêu của đôi vợ chồng thiếu niên ấy chỉ trút cho nhau. Nhưng, tuy rất thương vợ mà thiếu niên lại rất ăn chơi Chơi hết gia tài rồi, vì thương chàng, vợ chàng về xoay của cha. Xoay lần này hết lại xoay lần khác. Người cha vì chỉ thương con gái nên hết sức tức giận rồi mà hết lần lần này rồi lại phải cho lần khác. Nhưng càng cho càng hết, tức quá, ông bèn thầm tính đem con về gã cho người khác. Vì trút hết tình thương cho chồng, nên người con gái ấy thờ lộ và hời chông mưu kế. Người chồng vô kế khả thi, nhưng bao nhiêu tình thương đều hướng cả về vợ, nghĩ không thể xa nhau được, bèn dụ vào phòng rồi dùng dao giết vợ và tự sát. Theo phép nước thì cả nhà đôi vợ chồng kia và ông phú trưởng giả đều phải tử tội. Nghe thế, ông tuy rất khiếp sợ, nhưng không đau đớn bằng mắt người con thương yêu. Ông bèn tìm đến chỗ Phật, người mà xưa nay ông không để ý tới. Đức Phật dạy: *Đời khổ chỉ vì người ta hướng lòng thương của mình vào một chỗ, Phóng rộng tình thương, yêu thương tất cả, thì cuộc đời làm chi có tự sát và sát hại nhau.*

KINH PHÁP CÚ

4.) Đức Phật với người nghèo khổ.

Một hồi Phật ứng thỉnh ông Cấp-cô-dộc, đến tinh xá ông lập an cư 3 tháng. Phật thuyết Pháp giáo hóa nhân dân thành Xá-vệ vô số Ai cũng cảm mến Ngài vì được ánh đạo soi sáng đời sống. Nên sau 3 tháng an cư, khi Ngài ra đi, từ quan quân cho chỉ dân chúng, ai cũng khước thỉnh ở lại ít nhất là một tuần nữa Nhưng Ngài không hứa nhận. Bấy giờ trong nhà ông Cấp cô độc có người tớ gái tên là Phược-Lê, nằng rất nghèo khổ nhưng giàu lòng hướng thiện. Nghe Phật ra đi, nằng cũng như mọi người, lòng buồn tủi vô hạn, nhưng nằng nghĩ đức

Phật không phân biệt người nghèo khổ như ai, nên đánh bạo đến trước Phật đánh lễ và thỉnh Ngài ở lại. Phật liền nhận lời, và ôn tồn bảo mọi người: *Lòng tôi không phân biệt. Song chỉ muốn làm cho mọi người nghèo khổ mà nàng Phước Lễ là một, được tầm gọi ánh đạo Từ bi. Tôi nhận lời để mọi người thấy rằng người nghèo khổ không phải đáng kính: Trí giác chỉ có nơi họ cũng như lúa chỉ có ở cây khô.* Được Phật nhận lời và nghe Ngài dạy như vậy, mọi người đổi cái nhìn hèn hạ ra cái nhìn biết ơn, nhìn nàng Phước Phước-Lê và nói với nhau: *Người nghèo khổ nhất lại có thể gần đáng Trí giác nhất!*

KINH ĐẠI TRANG-NGHIÊM

5.) Hái hoa cúng Phật

Một thời đức Phật ở thành La duyet-kỳ. Lúc bấy giờ vua trong nước thường hay sai mười người đi hái hoa. Một hôm, những người này ra ngoài thành hái hoa xong, liền trở về. Giữa đường gặp đức Phật hào quang chói sáng tướng tốt uy nghi, như mặt trăng giữa các vì sao, như mặt trời mới mọc, xung quanh lại có rất nhiều vị Bồ-Tát đệ-tử theo hầu.

Các người hái hoa liền đến trước đức Phật, chắp tay đánh lễ và bạch Phật rằng: « Mạng người rất khó bảo toàn, đức Phật rất là khó gặp, kinh pháp rất khó được nghe. Nay chúng con gặp được bậc Đại thánh, thật chẳng khác như người bệnh gặp vị lương y. Chúng con vì lòng tham dục mà phải bị đi hành dịch như thế này, mỗi ngày phải đi hái hoa về dâng cho vua, nếu

chậm trễ thời bị tru-diệt. Nhưng ở đời được gặp vị Thánh nhân là rất khó, trăm kiếp ngàn đời may mới được gặp một lần, dầu cho chúng con có phải bỏ thân mạng, chúng con cũng rất hoan hỷ dâng hoa cúng dường Phật cùng Thánh chúng, được thọ lãnh kinh giới, nghiên cứu suy tầm Phật pháp cao sâu, được trí huệ vô cùng tận. Chúng con trải qua vô số kiếp, bị người hãm hại không sao kể xiết, nhưng chúng con chưa được vì Phật pháp mà hy sinh thân mạng. Nay chúng con xin dâng bó hoa Tam-Bảo cúng dường đức Thế-Tôn, dầu có vì việc này mà bị hại chúng con cũng khỏi đọa vào đường dữ, được sanh lên cõi An lạc. Chúng con xin thành tâm quy y, đảnh lễ đức Thế Tôn». Đức Phật biết rõ tâm ý chơn thành của các người dâng hoa, tâm sanh lòng thương mến vô hạn, liền đem giáo lý Đại-thừa ra giảng dạy, khiến cho mọi người đều phát đạo ý, khai sáng Phật huệ, chứng được bậc bất thối chuyển, không còn bị đọa lạc. Rồi đức Phật thọ ký cho những người hái hoa về sau sẽ thành Phật hiệu là Diệu-Hoa.

KINH THẾ HOA VI VƯƠNG

KINH THỦ LĂNG NGHIÊM

sắp phát hành nay mai

Người tu hành việc quan hệ nhất là phải hiểu rõ *thường-trú-chân-trú*. Khi hiểu rõ *chân-tâm thường-trú* rồi thì *ngó lại thân thể do cha mẹ sinh ra đây chỉ như cành lá trong tay, ngó sơn hà vũ trụ chỉ như một phù cầu trong bể cả và nguyện lặn lội trong cảnh đau khổ* với tinh thần dũng mãnh “*dù còn một người chưa giác ngộ cũng chưa Niết bàn*».

Nhưng cây đàn tỳ bà tuy diệu, mà không có ngón tay vi diệu thì không tiếng không kêu. Cũng như thế, *chân tâm* tuy ai cũng như ai, bản lai *thường trú*, nhưng không có *kinh THỦ LĂNG NGHIÊM* thì không sao phát huy được.

Chỗ vi diệu nhất mà *kinh THỦ LĂNG NGHIÊM* là minh *thường trú chân tâm* bằng cách căn cứ ngay nơi cảm giác hoàn cảnh của chúng ta chứ không đâu khác. Mà chúng ta nếu không học *kinh THỦ LĂNG NGHIÊM* để thể nhận tâm tánh, thì sự tu hành ấy chỉ như nấu sạn mong thành cơm, cơm khi nào thành được ?

Nhận thấy sự quan hệ đó, tạp chí VIÊN ÂM 17 năm nay đã đăng Khế Kinh ấy, do cư sĩ Tâm Minh dịch và thầy tử kheo Thiện Siêu dịch tiếp. Ngày nay, may mắn hơn nữa, T.T.S. đã nhờ Tỉnh Hội Thừa Thiên phát hành riêng, thành hẳn một bộ.

Chúng tôi vì đại nguyện hoàng dương chánh pháp vô thượng của Phật đà, nên nhất tâm tùy hỷ và thiết tha giới thiệu với toàn thể Phật tử cùng những người muốn nghiên cứu Phật Giáo.

Ngay những người muốn phê bình hoặc, hơn nữa, muốn đánh đổ Phật Giáo lại, càng phải đọc, học, và nếu có thể, phải thật hành khổ kinh THỦ LĂNG NGHIÊM đã, hành động mới có giá trị.

Riêng các Phật tử, các tỉnh hội các chi hội, chúng ta phải cố gắng, phải tận lực, giúp cho sự phát hành kinh THỦ LĂNG NGHIÊM, một việc làm to lớn khó khăn này được thành tựu.

Ngày xưa, đại đức Bát Mật Lạt Để, người phiên dịch kinh THỦ LĂNG NGHIÊM, vì trọng pháp bảo, vì lợi quần sinh, nên viết kinh này vào lụa mỏng, xẻ thịt bỏ vào, để đi qua cửa ải nghiêm cấm, đem đến Trung hoa dịch ra chữ Hán Ngài A nan nói *chỉ đem thâm tâm ấy phụng sự chúng sinh, mới gọi là báo đáp hồng ân của Phật*. Nên Niệm ân Phật đà, chúng ta hãy cố gắng giúp cho sự phát hành kinh THỦ LĂNG NGHIÊM được kết quả viên mãn.

Cáo Bạch

Vì điều kiện ấn loát và phát hành, V. Á. chúng tôi sẽ phát hành một đặc san gồm có 2 số 89 và 90 vào dịp thập bát chu niên của HỘI PHẬT HỌC, tức là lễ kỷ niệm XUẤT GIA của đức Bồ đề sư.